

TÒA ÁN N DÂN  
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 27/05/2024  
V/v "Tranh chấp hôn N và gia đình"

N DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN N DÂN TỈNH BẮC NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Tuyết Mai

Các Hội thẩm N dân: Ông Nguyễn Văn Kỹ

Ông Trần Minh Phương

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Thị Lành, Thư ký Tòa án N dân tỉnh Bắc Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Bắc Ninh:** Ông Đặng Thanh Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 05 năm 2024, tại trụ sở Tòa án N dân tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2024/TLST-HNGĐ ngày 31/01/2024 về "Tranh chấp hôn N và gia đình".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 36A/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1991; HKTT: Thôn NH, xã YG, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh. Nơi ở hiện tại: Ngõ 91, đường HQV, khu 1, phường TC, thành phố Bắc Ninh. Vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1990; HKTT: Thôn NH, xã YG, thị xã QV, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay đang trú tại: Hàn Quốc. Vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Nguyên đơn chị Bùi Thị H trình bày: Chị và anh Đỗ Đức T, sinh năm 1990; HKTT: Thôn Nga Hoàng, xã Yên Giả, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh kết hôn với nhau năm 2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Giả, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh. Trước khi kết hôn, chị và anh T được tự do tìm hiểu, không bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau tại nhà bố mẹ đẻ anh T.

Cuộc sống vợ chồng ban đầu H phúc, đến cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh T sống chung với người khác. Đến khoảng tháng 7/2022 thì anh T đi lao động tại Hàn Quốc, từ đó đến nay anh T cắt đứt liên lạc với chị, vợ chồng không nói chuyện và không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình

cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đức Duy Anh, sinh ngày 08/8/2011 và cháu Đỗ Đức Thiện N, sinh ngày 17/08/2017. Khi ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh Tuấn cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, công nợ: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

*\*Bị đơn là anh Đỗ Đức T* hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc nên Hội đồng xét xử không tiến hành lấy lời khai được. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Đỗ Đức T là bố đẻ của anh T thì được ông Thắng cung cấp: Hiện nay anh Tuấn đang lao động tại Hàn Quốc, anh Tuấn chỉ liên lạc với gia đình qua điện thoại, ông đã thông báo cho anh Tuấn biết việc chị Hạnh xin ly hôn. Tuy nhiên, anh Tuấn không cung cấp địa chỉ cho ông và cũng không gửi văn bản về cho Tòa án.

Anh T đã biết chị H đang làm thủ tục xin ly hôn với anh tại Tòa án và anh T có truyền đạt quan điểm đồng ý ly hôn với chị H.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đức Duy Anh sinh ngày 08/8/2011 và cháu Đỗ Đức Thiện N, sinh ngày 17/08/2017. Khi ly hôn anh T đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu Tòa án giải quyết cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ông Thắng đồng ý nhận thay các văn bản của Tòa án và cam kết thông báo cho anh T biết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do anh Đỗ Đức Tuấn hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đỗ Đức Tuấn vắng mặt mặc dù Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt theo quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

\*Đại diện Viện kiểm sát N dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán Hội đồng xét xử Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 28, 35, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn N và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đỗ Đức T.

Con chung: Giao 02 con chung là cháu Đỗ Đức Duy Anh sinh ngày 08/8/2011 và cháu Đỗ Đức Thiện N, sinh ngày 17/08/2017 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Cấp dưỡng không xem xét giải quyết.

Tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

Án phí: Chị Bùi Thị H chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Chị Bùi Thị H đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Đức T. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hôn N và gia đình”.

Về thẩm quyền giải quyết: Theo đơn xin ly hôn của chị Bùi Thị H, anh Đỗ Đức T có hộ khẩu thường trú tại thôn Nga Hoàng, xã Yên Giả, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh; tại thời điểm thụ lý vụ án anh Đỗ Đức T đang lao động Hàn Quốc. Tòa án đã tiến hành xác minh thông tin về thời gian xuất nhập cảnh tại Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh Bắc Ninh được biết, anh Đỗ Đức T đã xuất cảnh lần gần nhất là ngày 10/7/2022 qua cửa khẩu Nội Bài và hiện chưa có thông tin nhập cảnh trở lại Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, Điều 37, Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân tỉnh Bắc Ninh.

Về việc tham gia tố tụng của các đương sự: Do anh Đỗ Đức T đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc nên Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Đỗ Đức T là bố đẻ của anh T về việc cung cấp địa chỉ cụ thể của anh T tại Hàn Quốc nhưng ông T không cung cấp được. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T thông qua ông T và ông T cam kết thông báo lại cho anh T nội dung các văn bản tố tụng. Anh T biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn tại Tòa án và có ý kiến đồng ý ly hôn. Do vậy, cần xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ. Căn cứ căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Nội dung vụ án:

- Quan hệ hôn N: Chị Bùi Thị H và anh Đỗ Đức T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 07/01/2011 tại UBND xã Yên Giả nên đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định. Vì vậy, quan hệ hôn N của chị Bùi Thị H và anh Đỗ Đức T là hợp pháp.

Quá trình chung sống, ban đầu vợ chồng hòa thuận, H phúc sau đó phát sinh mâu thuẫn. Tháng 07/2022 anh T đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc thì vợ chồng sống ly thân, cắt đứt liên lạc và quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng

phai nhạt. Chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh T.

Do không lấy được lời khai của anh T, nhưng căn cứ vào lời trình bày của ông Đỗ Đức T là bố đẻ của anh T thì anh T đã biết việc chị H xin ly hôn và cũng có quan điểm đồng ý ly hôn với chị H.

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn vợ chồng chị H, anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn N không đạt được. Yêu cầu xin ly hôn của chị H là có căn cứ, đủ điều kiện ly hôn theo quy định của Luật hôn N và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Bùi Thị H được ly hôn anh Đỗ Đức T.

Con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Đỗ Đức Duy A sinh ngày 08/8/2011 và cháu Đỗ Đức Thiện N, sinh ngày 17/08/2017. Hiện nay hai cháu đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi hai con chung, còn A Tuấn thì không có mặt tại Việt Nam. Vì vậy, cần giao con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung, công nợ chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 37, 38, 146, 147, 227, 228, 271, 273, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn N và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị H: Cho chị Bùi Thị H được ly hôn A Đỗ Đức T.

Con chung: Giao 02 con chung là cháu Đỗ Đức Duy A sinh ngày 08/8/2011 và cháu Đỗ Đức Thiện N, sinh ngày 17/08/2017 cho chị Bùi Thị H trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2024 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có các quy định khác từ pháp luật.

Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Tài sản chung và công nợ: Không giải quyết.

2. Án phí: Chị Bùi Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000107 ngày 30/01/2024 tại Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

**THÀNH VIÊN  
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương - Nguyễn Văn Kỹ**

**Nguyễn Tuyết Mai**

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND xã Yên Giả, tx. Quế Võ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Tuyết Mai**